

早晨	zǎochen	morning
束	shù	bunch
鲜花	xiānhuā	fresh flower
闻	wén	smell
香	xiāng	fragrant
山村	shāncūn	mountain village
奇怪	qíguài	strange
孩子	háizi	child
花生	huāshēng	peanut
瓜子	guāzǐ	sunflower seeds
抓	zhuā	grab
不安	bù'ān	uneasy, restless
跟前	gēnqián	front
不久	bùjiǔ	not long
后悔	hòuhuǐ	regret
感动	gǎndòng	feel moved
楼	lǒu	embrace
周	Zhōu	Zhou
木木	Mùmu	Mumu
小光	Xiǎoguāng	Xiaoguang
明明	Míngmíng	Mingming
小山	Xiǎoshān	Xiaoshan